

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Lại Hùng Hưng;
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trịnh Thị D, địa chỉ: làng B, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- ***Bị đơn:*** Ông Trương Công B, địa chỉ: Làng B, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

**NỘI D VU ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bà Trịnh Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trương Công B tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Yên T, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian dài. Ông B không tu chí làm ăn, thường hay uống rượu, chửi bới và đánh đập bà. Năm 2013, ông B còn đánh người gây thương tích, bị Tòa án xử phạt tù 02 năm. Hết hạn tù trở về nhà, ông B vẫn tính nào tật nấy, không chịu thay đổi. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Trương Công B.

- Về con chung: bà và ông B có 03 con chung gồm: Trương Công T, sinh ngày 20/02/1994; Trương Phương N, sinh ngày 28/01/1998 (cả hai đã thành niên, có khả năng lao động tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng) và Trương Công B, sinh ngày 26/8/2005. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu B mức 1.500.000 đồng/tháng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ông Trương Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của ông B.

\* Tại biên bản ghi ý kiến ngày 11/02/2020, cháu Trương Công B, sinh ngày 26/8/2005 (con chung trên 7 tuổi) thể hiện nguyện vọng được sinh sống cùng bà D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho bà D được ly hôn với ông Trương Công B. Giao cháu B cho bà D nuôi dưỡng, buộc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B mức 1.500.000 đồng/tháng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Buộc bà D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trịnh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Công B và giải quyết nuôi con. Bà D là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Ông Trương Công B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[3] Bà Trịnh Thị D và ông Trương Công B tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/8/1992 tại UBND xã Yên T, huyện Yên Đ, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận kết hôn số 22/1992). Hôn nhân giữa bà D và ông B là hợp pháp. Bà D cho rằng, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trong một thời gian dài. Ông B không tu chí làm ăn, thường hay uống rượu, chửi bới và đánh đập bà. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Bà D yêu cầu được ly hôn ông B.

Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, Ông B không quan tâm đến quan hệ hôn nhân và con cái. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà D được ly hôn với ông B.

[4] Bà D và ông B có 03 con chung gồm: Trương Công T, năm 1994; Trương Phương N, sinh năm 1998 (cả hai đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được nên bà D không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng) và Trương Công B, sinh ngày 26/8/2005. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu B, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu B mức 1.500.000 đồng/tháng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà D là có căn cứ, nên cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu B cho bà D nuôi dưỡng. Buộc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B mức 1.500.000 đồng/tháng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà D và ông B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: buộc bà D, ông B chịu án phí theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị D.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị D và ông Trương Công B

2. Về con chung: bà D và ông B có 03 con chung gồm: Trương Công T, sinh năm 1994; Trương Phương N, sinh năm 1998 (cả hai đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được nên bà D không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng) và Trương Công B, sinh ngày 26/8/2005.

Giao cháu Trương Công B cho bà D nuôi dưỡng. Buộc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B mức 1.500.000 đồng/tháng tính từ khi xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Bà D và ông B đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: buộc bà D chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, ông B chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào quỹ nhà nước. Bà D được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002459 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhận là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên T;
- CC THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Hùng Hưng**